TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 189/2026/HNGĐ-ST
Ngày 07/9/2026
"V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Đoàn Thị Điệp.

Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Đức Bền và bà Nguyễn Thị Huệ

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Nghiêm Xuân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2026, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 564/2026/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026 về việc "Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2026/QĐST-DS ngày 05 tháng 8 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa ngày 21/08/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phan Thị D, sinh ngày 28/04/1996; Số Căn cước công dân: 030196001393; Nơi ĐKHKTT và cứ trú trước khi xuất cảnh: Thôn Đ, xã T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: số nhà G, khu Đ, tổ E, thôn Đ, xã T, huyện M, Đài Loan

Người đại diện theo ủy quyền nhận văn bản của chị D: ông Phan Đình H, sinh ngày 10/05/1963, Số Căn cước công dân: 030063005057; địa chỉ: Thôn T, xã H, TP Hải Phòng

-Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/06/1986; Số Căn cước công dân: 030086022593; Nơi ĐKHKTT: thôn T, xã T, thành phố Hải Phòng; Nơi ở hiện nay: Nga

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Ông Phan Đình H, sinh ngày 10/05/1963; Số Căn cước công dân: 030063005057; địa chỉ: Thôn T, xã H, TP Hải Phòng

Chị D, ông H đề nghị vắng mặt; anh N vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, tự khai nguyên đơn chị D trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị với anh Nguyễn Văn N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh HảiDương (nay là xã T, TP Hải Phòng) vào ngày 15/06/2016. Sau ngày cưới, anh chị sống hạnh phúc được một thời gian thì năm 2017, anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Sau đó, năm 2018, chị cũng sang Đài Loan thì anh N lại về nên hai vợ chồng không gặp nhau. Tuy nhiên, hai vợ chồng vẫn thường xuyên liên hệ với nhau qua điện thoại, mạng xã hội. Nhưng đến khoảng năm 2020 thì vợ chồng bắt đầu mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh N muốn làm lái xe và yêu cầu chị gửi tiền về để mua xe, chị không đồng ý dẫn đến việc vợ chồng cãi vã nhau. Anh N từ đócũng không liên lạc quan tâm đến chị nữa và chỉ khi nào cần gửi tiền về cho con thì liên lạc. Sau đó qua mạng xã hội chị được biết anh N có quan hệ với người phụ nữ khác. Từ đó chị và anh N không còn quan tâm đến nhau nữa. Đến năm 2022 thì anh N sang Singgapo làm ăn. Chị chỉ biết anh N sang Singgapo làm ăn nhưng không biết địa chỉ cụ thể ở đâu. Nay anh N còn ở S hay đi nước nào khác nữa chị không nắm được. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Nguyễn Phan Gia B, sinh ngày 16/11/2016. Hiện cháu đang ở với chị và ông bà ngoại. Khi ly hôn chị có nguyện vọng tiếp tục nuôi cháu và tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung. Hiện chị chỉ về nước thăm con sau đó lại tiếp tục sang Đài Loan làm ăn nên chị đề nghị Tòa án tạm giao cho bố đẻ chị là ông Phan Đình H, sinh năm 1963; địa chỉ: Đ, thônTrần Xá, xã H, TP Hải Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản chung, nhà đất, nợ chung, ruộng cấy, công sức: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Chị ủy quyền cho ông Phan Đình H là bố đẻ chị giao nhận tài liệu, bản án quyết định của Tòa án và thay mặt chị trình bày quan điểm về tài sản và con chung nếu có. Chị xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc của Tòa án, xin vắng mặt tại phiên họp, hòa giải và phiên tòa.

Biên bản lấy lời khai của cháu Nguyễn Phan Gia B thể hiện: Cháu là con bố Nguyễn Văn N và mẹ Phan Thị D. Hiện cháu đang học lớp 5A Trường tiểu học N1. Cháu được biết mẹ cháu đang làm thủ tục ly hôn bố cháu tại Tòa án. Nếu bố mẹ ly hôn thì nguyện vọng của cháu xin được ở với mẹ và ông ngoại. Hiện ông ngoại nuôi cháu rất tốt và mẹ cháu thường xuyên gọi điện hỏi thăm cháu. Nguyện vọng của cháu là tự nguyện không ai ép buộc.

Biên bản lấy lời khai của ông Phan Đình H (bố để chị D) thể hiện: Trước khi kết hôn chị D và anh N có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng kí kết hôn tại UBND xã Q (nay là xã T, TP Hải Phòng). Quá trình chung sống thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc tuy nhiên được 1 thời gian vợ chồng mâu thuẫn nguyên nhân là do anh N chơi bời, không lo làm ăn kinh tế và gia đình, vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau qua điện thoại và mỗi người một nơi. Theo tôi được biết hiện anh N đang ở S còn chị D ở Đài Loan. Anh N ở nước ngoài nhưng không gọi điện hỏi thăm con, gia đình hai bên không còn qua lại. Nay chị D xin ly hôn với anh N đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Gia B, cháu B hiện đang ở với ông, cháu ở từ lúc 5 tuổi cho đến giờ. Vì vậy, khi ly hôn chị D đề nghị được nuôi con và tạm giao cháu cho ông nuôi dưỡng ông hoàn toàn nhất trí. Hiện cả chị D và anh N đều đang không ở Việt Nam. Khi nuôi cháu ông không cần chị D và anh N cấp dưỡng nuôi cháu vì thực tế chị D thường xuyên gửi tiền về cho ông nuôi cháu. Về tài sản: Chị D và anh N theo ông được biết không có tài sản chung gì. Hiện ông chỉ biết anh N ở S chứ không biết rõ địa chỉ ở đâu.Còn việc gia đình anh N trình bày anh N đi Nga khoảng tháng 2/2026 gia đình ông không nắm được. Do chị D đi nước ngoài nên có ủy quyền cho ông thay mặt chị D giao nhận văn bản tại Tòa và trình bày quan điểm ý kiến giải quyết về vấn đề con chung và án phí ông hoàn toàn nhất trí và nhận ủy quyền của chị D cho đến khi kết thúc vụ án.

Biên bản lấy lời khai của bà Vũ Thị C (mẹ đẻ anh N) thể hiện: Trước khi kết hôn anh N, chị D có quen biết nhau, tự do tìm hiểu và có thai sau đó thông báo cho gia đình và hai bên tổ chức đám cưới và có đăng kí tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, TP Hải Phòng). Sau khi cưới anh chị sống tại gia đình nhà bà. Sau đó,anh N đi Đài Loan, một thời gian sau chị D cũng sang Đài Loan thì anh N về nước. Anh N lại chuyển sang đi làm ăn tại S và hiện tại đang ở L Nga từ khoảng tháng 02/2026. Còn chị D hiện vẫn đang ở Đài Loan. Quá trình chung sống vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn nhưng nguyên nhân cụ thể là gì bà không nắm được. Nhưng được biết vợ chồng nghi ngờ nhau dẫn đến cuộc sống không có hạnh phúc. Nay chị D xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết, bà không có ý kiến gì, việc ly hôn do anh chị tự quyết định.

Chị D và anh N có 01 con chung là cháu Nguyễn Phan Gia B, SN 16/11/2016.Bà nuôi cháu B đến lúc hết lớp 5 tuổi thì đưa về ông bà ngoại để ông bà đưa cháu đi học giúp. Hiện cháu đang ở với mẹ và ông bà ngoại. Khi ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ pháp luật giải quyết.Về tài sản chung: Bà không nắm được anh chị có tài sản chung gì không.

Bà chỉ biết hiện tại anh N đang ở Liên Bang N tuy nhiên địa chỉ cụ thể bà không nắm rõ. Anh N chỉ gọi điện qua Zalo hỏi thăm bà và gia đình. Bà đã thông báo cho anh N về việc Tòa án giải quyết ly hôn, thông báo, giấy triệu tập anh N về Việt Nam giải quyết. Thông báo cho anh N về việc Tòa án báo anh N đến tham dự phiên họp về việc tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên tòa. Tuy nhiên, anh N không về được và xin vắng mặt tại tất cả các buổi làm việc tại tòa án, vắng mặt tại phiên tòa. Anh N có quan điểm nhất trí ly hôn, nhất trí việc chị D tiếp tục nuôi con chung, nhất trí việc không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con và giải quyết tài sản. Vì lý do công việc bận nên bà xin vắng mặt tại phiên tòa.

Biên bản xác minh tại UBND xã T thể hiện: Chị Phan Thị D và anh Nguyễn Văn N là công dân có Hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã T, TP Hải Phòng. Quá trình đi đến hôn nhân anh chị có đăng kí kết hôn tại UBND xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T, TP Hải Phòng) ngày 15/6/2016. Quá trình chung sống của anh N chị D có mâu thuẫn với nhau hay không địa phương không nắm được mà chỉ biết hiện anh chị đã ly thân mỗi người một nơi. Nay chị D xin ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo pháp luật giải quyết.

Công văn trao đổi thông tin xuất nhập cảnh ngày 12/8/2026 của Phòng Q – Công an T thể hiện: Anh Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/06/1986; Số Căn cước công dân: 030086022593; Nơi thường trú: thôn T, xã T, thành phố H cảnh gần nhất ngày 06/04/2026 bằng hộ chiếu số E04377581 qua cửa khẩu S, chưa có thông tin nhập cảnh trở lại.

Tại phiên tòa:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 – Hải Phòng phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và các đương sựchấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Phan Thị D, cho chị D ly hôn anh Nguyễn Văn N. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Phan Gia B sinh ngày 16/11/2016 cho chị Phan Thị D trực tiếp

nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục cho đến khi cháu B đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao cháu B cho ông Phan Đình H nuôi dưỡng chăm sóc cho đến khi chị D về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về tài sản: Không yêu cầu giải quyết; Về án phí: Buộc chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đãđược thẩm tra tại phiên toà, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Chị Phan Thị D khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng giải quyết việc ly hôn giữa chị và anh Nguyễn Văn N. Anh N hiện có hộ khẩu thường trú và cư trú trước khi xuất cảnh tại thôn Đ, xã T, TP Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không làm việc được với anh Nguyễn Văn N, chị D cũng như người thân anh N không cung cấp địa chỉ hiện nay, thuộc trường hợp cố tình giấu địa chỉ. Do vậy, Tòa án căn cứ vào nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của bị đơn để giải quyết là đúng thẩm quyền.Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 - Hải Phòng.

Chị D, ông Hạnhđề nghị vắng mặt tại phiên tòa, anh N vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt tất cả các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phan Thị D và anh Nguyễn Văn N trước khi kết hôn có được tự do tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 15/6/2016 tại Ủy ban nhân dân xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương (nay là xã T thành phố Hải Phòng) nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc được thời gian đầu. Đến năm 2017 anh N đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, năm 2018 chị D đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Khi chị D sang Đài Loan thì anh N lại về nước, vợ chồng không gặp nhau. Đến năm 2020 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách không hợp nhau, không thống nhất về làm ăn phát triển kinh tế, không tin tưởng, không tôn trọng nhau dẫn đến vợ chồng không ai quan tâm đến ai, tình cảm vợ chồng không còn. Từ năm 2022 vợ chồng không còn liên lạc với nhau nữa. Nay chị D xác định tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N. Mặc dù quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không làm việc được với anh Nguyễn Văn N, anh N không có văn bản

trình bày trước yêu cầu khởi kiện của chị D. Tuy nhiên, lời khai của chị D phù hợp với lời khai của mẹ đẻ anh N là bà Vũ Thị C, bố đẻ chị D là ông Phan Đình H về mâu thuẫn vợ chồng, đồng thời qua lời trình bày của bà C thể hiện anh N đồng ý ly hôn. Như vậy, mâu thuẫn vợ chồng chị D, anh N là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị D về việc xin ly hôn anh N, xử cho chị D được ly hôn với anh N theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 1 con chung là cháu Nguyễn Phan Gia B sinh ngày 16/11/2016. Khi ly hôn chị D có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu B và tạm giao cháu B cho bố đẻ chị là ông Phan Đình H nuôi dưỡng trong thời gian chị D đi lao động ở nước ngoài. Xét thấy từ năm 2022 đến nay, cháu B vẫn ở với bố đẻ chị D, cháu vẫn phát triển khỏe mạnh, cháu B có nguyện vọng được tiếp tục ở với chị D và bố đẻ chị D. Mặc dù chị D đang đi xuất khẩu lao động nhưng chị D có sự hỗ trợ của bố mẹ đẻ trong việc chăm sóc cháu B và thông qua lời khai của mẹ đẻ anh N thì anh N đồng ý giao con cho chị D nuôi dưỡng. Để đảm bảo sự ổn định về tâm lý, môi trường sinh sống, học tập của cháu B nên Hội đồng xét xử, xét thấy cần tiếp tục giao cháu B cho chị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Tạm giao cháu B cho ông Phan Đình H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị D về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị D tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên cần chấp nhận sự tự nguyện này của chị D. Điều này phù hợp với quy định tại các Điều 81,82, 83Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Chị D là nguyên đơn nên phải chịu án phí nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83Luật Hôn nhân và gia đình;khoản 1 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227; Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật Phí và lệ phí; Nghị Quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị D

1. Về hôn nhân: Xử cho chị Phan Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Văn N

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Phan Gia B sinh ngày 16/11/2016 cho chị Phan Thị D trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Tạm giao cháu B cho ông Phan Đình H nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi chị D về nước trực tiếp nuôi dưỡng. Chị D tự nguyện không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh N có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phan Thị D phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Thi hành án dân sự thành phố Hải Phòng theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án ký hiệu: BLTU/26E số 0000209ngày 06/7/2026. Chị D đã nộp đủ án phí.

Về quyền kháng cáo: Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết. Anh N, chị D có quyền kháng cáo bản án trong hạn 1 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 9 - Hải Phòng;
- THADS TP Hải Phòng;
- UBND xã T, TP Hải Phòng (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Lưu hồ sơ, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đoàn Thị Điệp